

**6. Kinh nghiệm kiểm soát  
nguyên vật liệu xuất dùng cho  
sản xuất theo định mức sản  
xuất đã xây dựng.**



## 6.1. Cách thứ nhất: kiểm tra theo từng đơn hàng

XNK làm việc với kế toán để xác định việc xuất kho nguyên liệu có theo dõi theo từng đơn hàng, hoặc hợp đồng hay không? trường hợp theo dõi theo từng đơn hàng, hoặc hợp đồng, kiểm tra việc xuất kho có theo định mức kỹ thuật hay không? bằng cách lấy số lượng sản phẩm theo đơn hàng x định mức kỹ thuật = số lượng nguyên liệu cần xuất dùng. So sánh số lượng này với số lượng thực tế xuất dùng và xử lý như sau:

- Nếu bằng thì định mức kỹ thuật chính là định mức thực tế.
- Nếu chênh lệch thì định mức kỹ thuật khác định mức thực tế. Khi đó, XNK cần điều chỉnh lại định mức thực tế để xuất trình khi cơ quan hải quan kiểm tra.

## 6.2. Cách thứ hai: kiểm tra theo kỳ hoạt động

XNK làm việc với kế toán để xác định nếu việc xuất kho nguyên liệu không theo dõi theo từng đơn hàng, hoặc hợp đồng, mà xuất kho chung cho sản xuất, kiểm tra xuất kho có theo định mức kỹ thuật hay không thực hiện như sau:

- Căn cứ số lượng thành phẩm (loại trừ thành phẩm được hoàn thành từ bán thành phẩm tồn đầu kỳ), bán thành phẩm tồn cuối kỳ; định mức kỹ thuật sản xuất của từng sản phẩm, tính toán số lượng, hoặc trị giá nguyên liệu xuất dùng theo lý thuyết.
- Căn cứ số lượng nguyên liệu xuất kho, loại trừ số nguyên liệu xuất dùng cho mục đích khác, xác định số lượng nguyên liệu thực tế xuất dùng cho sản xuất.

## 6.2. Cách thứ hai: kiểm tra theo kỳ hoạt động

- Sau đó đối chiếu 02 số liệu về số lượng, hoặc trị giá nguyên liệu xuất dùng theo định mức kỹ thuật sản xuất của từng sản phẩm với số lượng, hoặc trị giá nguyên liệu xuất dùng của sổ sách kế toán và xử lý như sau:
  - + Trường hợp xác định chính xác số liệu nguyên liệu chênh lệch xuất dùng thuộc sản phẩm cụ thể, phần nguyên liệu chênh lệch sẽ được tính điều chỉnh định mức thực tế cho chính sản phẩm đó.
  - + Trường hợp không xác định chính xác số liệu nguyên liệu chênh lệch xuất dùng thuộc sản phẩm cụ thể (nguyên liệu dùng chung cho nhiều sản phẩm), phần nguyên liệu chênh lệch sẽ được tính điều chỉnh định mức thực tế cho tất cả sản phẩm có liên quan trong kỳ.

## Ví dụ: tính số lượng nguyên liệu quy đổi từ định mức

Stt	Định mức NPL	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Số lượng	ĐVT	Gỗ xẻ (cm <sup>3</sup> )	Ván MDF (cm <sup>3</sup> )
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	454 GV (01/03/17)	228143/P2-VGD(BR68-23)-CGa	Ghế	200	Cái	1.600	630
2	456 GV (01/03/17)	228183/P2-VGD(BR68-23)-NLa	Ghế	200	Cái	1.200	630
3	464 GV (01/03/17)	325001(BR68-23)-NL09	Bàn	250	Cái	1.250	30
4	472 GV (01/03/17)	81360(BR68-23)-NL15	Tủ	250	Cái	1.000	28
<b>Cộng NL xuất theo định mức</b>						<b>5.050</b>	<b>1.318</b>
<b>Cộng NL xuất theo sổ kế toán</b>						<b>5.500</b>	<b>1.400</b>
<b>Chênh lệch</b>						<b>450</b>	<b>82</b>

## Ví dụ: tính số lượng nguyên liệu quy đổi từ định mức

Cách điều chỉnh định mức thực tế đối với nguyên liệu Gỗ xẻ:

+ Ví dụ 1: trường hợp xác định chính xác số liệu nguyên liệu chênh lệch xuất thêm thuộc sản phẩm 454 GV (01/03/17), ta điều chỉnh định mức thực tế của sản phẩm đó =  $8 \text{ cm}^3 + 450 \text{ cm}^3/200 \text{ cái} = 8 \text{ cm}^3 + 2,25 \text{ cm}^3 = 10,25 \text{ cm}^3 \rightarrow$  định mức thực tế là  $10,25 \text{ cm}^3/ 01 \text{ cái}$ .

+ Ví dụ 2: Trường hợp không xác định chính xác số liệu nguyên liệu chênh lệch xuất thêm dùng thuộc sản phẩm cụ thể (nguyên liệu dùng chung cho nhiều sản phẩm), phần nguyên liệu chênh lệch được tính điều chỉnh định mức thực tế cho tất cả sản phẩm có liên quan.

## Ví dụ 2: tính số lượng nguyên liệu quy đổi từ định mức

Stt	Định mức NPL	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Số lượng	ĐVT	Định mức kỹ thuật (cm3)	Số lượng gỗ xẻ kỹ thuật (cm3)	Số lượng gỗ xẻ thực tế (cm3)	Định mức thực tế (cm3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	454 GV (01/03/17)	228143/P2-VGD(BR68-23)-CGa	Ghế	200	Cái	8	1.600	1.742,57	8,713
2	456 GV (01/03/17)	228183/P2-VGD(BR68-23)-NLa	Ghế	200	Cái	6	1.200	1.306,93	6,535
3	464 GV (01/03/17)	325001(BR68-23)-NL09	Bàn	250	Cái	5	1.250	1.361,39	5,446
4	472 GV (01/03/17)	81360(BR68-23)-NL15	Tủ	250	Cái	4	1.000	1.089,11	4,356
<b>Cộng NL xuất theo định mức</b>							<b>5.050</b>	<b>5.500,00</b>	
<b>Cộng NL xuất theo sổ kế toán</b>							<b>5.500</b>		
<b>Chênh lệch</b>							<b>450</b>		



Thank you for listening